TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
--------*---------	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2026/HS-ST
Ngày: 13/02/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy An.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phan Văn Duy.
- Bà Huỳnh Thị Long.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Hồ Hải Hương – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Ông Phan Ngọc Thanh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và ngày 13 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 10/2026/TLST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2026/QĐXXST-HS ngày 20/01/2026 đối với bị cáo:

LÊ VĂN T

- Sinh ngày 01/01/1983 tại tỉnh Đồng Tháp.

- Căn cước công dân số: 082083012382. Nơi cấp: Cục C1 về TTXH. Ngày cấp: 09/01/2022.

- Nơi cư trú: Ấp D, xã T, tỉnh Đồng Tháp; Chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 1/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H; Vợ: Nguyễn Thị Ngọc Đ, con: 03 người con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** Võ Văn B, sinh năm 1971 (Xin vắng mặt).
Địa chỉ (T): ấp T, xã L, tỉnh Đồng Tháp.
Tạm trú: ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Đặng Thị T1, sinh năm 1981 (Vắng mặt).
Địa chỉ: số I ấp A, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh.

*** Người làm chứng:**

1. Lê Quốc T2, sinh năm 1995 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Cao Hồng T3, sinh năm 1986 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Lê Hồng V, sinh năm 1978 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

4. Lê Hồng Đ1, sinh năm 1987 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

5. Phạm Thành T4, sinh năm 1991 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

6. Phan Thành S, sinh năm 1978 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ ngày ngày 23/10/2025, tại nhà ông Võ Văn B, ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp, bị cáo Lê Văn T có tham gia uống rượu bia với 05 người gồm: Lê Quốc T2; Cao Hồng T3 (tên thường gọi là T5); Lê Hồng V (tên thường gọi là Ế); Lê Hồng Đ1; Phạm Thành T4 (tên thường gọi là T6), cùng cư trú ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp và ông Võ Văn B. Trong lúc ngồi nhậu, bị cáo T nhìn thấy ông B lấy tiền trong hộp bánh Trung Thu để dưới đất mua mồi nhậu. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, tất cả nghỉ nhậu và đi về, riêng ông B nằm xuống nền gạch ngủ.

Bị cáo cùng với T4 về nhà bị cáo nhậu tiếp, nhưng do không có mồi nên bị cáo điều khiển xe mô tô hai bánh biển kiểm soát 72L1-5529 của bị cáo đi mua thêm mồi về nhậu. Bị cáo nhớ lại còn để quên điện thoại tại nhà ông B nên quay lại nhà ông B. Khi vào đến nhà, bị cáo thấy ông B nằm ngủ nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, bị cáo nhớ lại vị trí ông B để tiền nên lén lút lấy 8.500.000 đồng được để trong hộp bánh Trung Thu bỏ vào túi sau bên phải cùng với điện thoại rồi điều khiển xe máy đi về nhà. Về đến nhà, bị cáo kêu T6 lấy xe mô tô biển kiểm soát 72L1-5529 của bị cáo chở qua nhà cha ruột bị cáo nhậu, bị cáo sử dụng 500.000 đồng vừa trộm được để mua mồi và vé số. Nhậu đến khoảng 19 giờ cùng ngày, T6 chở bị cáo về nhà, còn T6 về nhà T6. Sau khi vô nhà, bị cáo lấy số tiền trộm được của ông B ra kiểm đếm được 8.000.000 đồng, bị cáo đem tiền nhét vô gối trên đầu nằm và đi ngủ. Đến 25/10/2025, Công an xã T mời bị cáo lên làm việc, tại Cơ quan Công an bị cáo thừa nhận hành vi trộm tiền của ông B và tự nguyện giao nộp số tiền 8.000.000 đồng.

Kết luận giám định số 2328/KL-KTHS ngày 19/11/2025 của Phòng K – Công an tỉnh Đ, kết luận như sau: Số tiền 8.000.000 đồng thu giữ, gồm: 16 tờ tiền polymer Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng, có số seri: AQ 21355108, GZ 19588257, SZ 21674932, LB 18036295, ZQ 21036261, PN 11341726, VS 18518672, MC 18829125, MA 20461755, LE

15012464, XI 18585147, WZ 19372788, WA 15207537, GP 20620699, TU 12318228, RH 21276135 là tiền thật.

- Vật chứng thu giữ:

+ 01 Hộp giấy màu xanh, kích thước (25x25x6,5) cm và 16 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng/tờ.

+ 01 Xe mô tô hai bánh biển số 72L1-5529, số khung: RRKWCHAUM5X184689, số máy VTT1P52FMH184689 (đã qua sử dụng). Qua xác minh, xe mô tô hai bánh biển số 72L1-5529 do bà Đặng Thị T1, sinh ngày 12/5/1981, cư trú số I, ấp A, xã L, thành phố Hồ Chí Minh đứng tên chủ sở hữu.

- Xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trao trả lại cho ông B, 01 hộp giấy màu xanh, kích thước (25x25x6,5) cm và 16 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng/tờ.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường xong cho ông Võ Văn B 500.000 đồng. Ông B đã nhận được tiền và không yêu cầu gì khác.

Tại Cáo trạng số 55/CT-VKSKV2 ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp đã truy tố: Bị cáo Lê Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm về tội danh như Bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị, áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điều 65; Điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo T từ 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Đồng Tháp giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Về vật chứng, áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 Xe mô tô hai bánh biển số 72L1-5529, số khung: RRKWCHAUM5X184689, số máy VTT1P52FMH184689. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu gì khác nên không xem xét. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án; Bị cáo T phải chịu 200.000 đồng án phí.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là sai nên xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo phụ giúp vợ nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Đ, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ. Như vậy, vào chiều ngày 23/10/2025, tại nhà ông Võ Văn B, thuộc ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp, bị cáo Lê Văn T có hành vi lén lút trộm cắp số tiền 8.500.000 đồng của ông Võ Văn B. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, không chỉ làm thiệt hại đến tài sản của bị hại, mà còn gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Do vậy, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc để giáo dục bị cáo có ý thức tôn trọng pháp luật, trở thành công dân lương thiện và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại; bị hại đã nhận được tiền và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo qui định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đồng thời, bị cáo có nhân thân tốt; không có tiền án, tiền sự; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, chấp hành tốt các quy định pháp luật tại địa phương. Ngoài ra, bị cáo là người có trình độ văn hoá thấp, khả năng nhận thức pháp luật còn hạn chế và bị cáo là lao động chính của gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội nên áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự, Điều 2 Nghị quyết số 03/VBHN-TANDTC ngày 10/7/2025 của Tòa án nhân dân tối cao cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường xong cho ông Võ Văn B 500.000 đồng. Ông B đã nhận được tiền và không yêu cầu gì khác.

[4] Về vật chứng: Đối với 01 xe mô tô hai bánh biển số 72L1-5529, do bà Đặng Thị T1, sinh ngày 12/5/1981, cư trú số I, ấp A, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên chủ sở hữu. Xe này do bị cáo mua nhưng chưa sang tên và chị T1 không có yêu cầu gì. Xét thấy, xe mô tô hai bánh biển số 72L1-5529 là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Do nhận định bị cáo T có tội nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điều 65; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Điều 2 Nghị quyết số 03/VBHN-TANDTC ngày 10/7/2025 của Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T 08 *(T7)* tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 *(Một)* năm 04 *(Bốn)* tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 13/02/2026).

Giao bị cáo Lê Văn T cho Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Đồng Tháp giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp, bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 Xe mô tô hai bánh biển số 72L1-5529, số khung: RRKWCHAUM5X184689, số máy VTT1P52FMH184689 (đã qua sử dụng) (Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 10/02/2026).

3.Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Lê Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo được quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp để xét xử phúc thẩm. Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND KV2 – Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Đồng Tháp;
- Cơ quan THAHS tỉnh Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- CA xã Tân Hòa;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thúy An